

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 39

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1801116600 ngày 12 tháng 3 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam.

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng, Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Quốc Phục	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Phong	Thành viên
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên
Ông Trần Chiến Công	Thành viên
Ông Mai Song Hào	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc
Ông Phạm Đình Huấn	Phó Giám đốc
Bà Lê Thùy Ngân	Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Ông Lê Hoàng Lâm	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Ngọc Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này

Ông Lê Quốc Phục	Chủ tịch
Ông Trần Thanh Phong	Giám đốc

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
Báo cáo của Giám đốc (tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



TM. Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Phong
Giám đốc

Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2025

Số : 25.10.1.1/25/BCKT/NVA.CNHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2, được lập ngày 25 tháng 02 năm 2025, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Giám đốc



Phạm Đức Bảo

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 5308-2025-152-1

Kiểm toán viên

Lê Khắc Toàn

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 6679-2024-152-1

Hà Nội, Ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		28.060.636.900	19.811.057.104
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.210.409.207	1.640.919.619
1. Tiền	111		3.206.395.568	1.640.919.619
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.004.013.639	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.858.296.555	3.242.027.992
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	1.980.538.976	1.531.191.946
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	792.131.756	1.660.721.287
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	490.700.000	293.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(405.074.177)	(242.885.241)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	12.408.492.566	12.571.070.137
1. Hàng tồn kho	141		12.408.492.566	12.571.070.137
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.583.438.572	2.357.039.356
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	393.746.934	153.807.500
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.148.471.993	2.072.698.856
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	41.219.645	130.533.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200	.	246.539.266.876	235.304.102.895
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.857.300	37.869.300
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	37.857.300	37.869.300
II. Tài sản cố định	220		208.190.035.074	204.980.546.436
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	207.344.229.523	204.774.296.437
- Nguyên giá	222		595.560.612.760	562.344.174.726
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(388.216.383.237)	(357.569.878.289)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	845.805.551	206.249.999
- Nguyên giá	228		1.821.127.273	915.127.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(975.321.722)	(708.877.274)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.428.930.668	9.226.509.767
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	9.428.930.668	9.226.509.767
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		28.882.443.834	21.059.177.392
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	28.882.443.834	21.059.177.392
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		274.599.903.776	255.115.159.999

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		111.885.811.311	97.120.821.386
I. Nợ ngắn hạn	310		49.447.701.249	40.316.286.101
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	9.726.643.287	15.080.570.602
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	761.880.635	452.826.671
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.247.397.890	4.220.227.765
4. Phải trả người lao động	314		3.088.122.271	1.378.104.540
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	167.851.392
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	283.066.451	253.275.789
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	31.548.750.606	16.290.970.422
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.791.840.109	2.472.458.920
II. Nợ dài hạn	330		62.438.110.062	56.804.535.285
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	29.874.296.077	15.967.733.504
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	32.563.813.985	40.836.801.781
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.714.092.465	157.994.338.613
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	162.714.092.465	157.994.338.613
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		117.733.160.000	117.733.160.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		117.733.160.000	117.733.160.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.562.600.152	7.562.600.152
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.214.537.681	15.244.382.662
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.203.794.632	17.454.195.799
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	190.117.609
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		19.203.794.632	17.264.078.190
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		274.599.903.776	255.115.159.999

Người lập biểu



Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng



Lê Thùy Ngân

Giám đốc



Trần Thanh Phong

Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	156.470.536.072	108.332.958.186
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	4.650.535
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		156.470.536.072	108.328.307.651
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	97.616.030.070	63.903.960.229
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		58.854.506.002	44.424.347.422
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	78.597.544	18.015.354
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.861.102.054	5.982.520.445
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.668.234.234	5.523.526.428
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	2.733.588.809	1.630.248.772
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	24.310.455.133	18.680.407.154
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		25.027.957.550	18.149.186.405
11. Thu nhập khác	31	VI.5	33.450.837	4.437.474.753
12. Chi phí khác	32	VI.6	698.833.400	520.813.541
13. Lợi nhuận khác	40		(665.382.563)	3.916.661.212
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.362.574.987	22.065.847.617
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	5.158.780.355	4.801.769.427
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		19.203.794.632	17.264.078.190
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.132	926
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	1.132	926

Người lập biểu



Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng



Lê Thùy Ngân

Giám đốc



Trần Thanh Phong

Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		178.200.274.005	123.146.586.928
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(64.572.214.602)	(29.346.935.877)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(36.761.318.811)	(34.258.477.887)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(6.861.102.054)	(5.982.520.445)
5. Thuế TNDN đã nộp	05		(8.607.960.592)	(4.294.754.974)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		633	229.309.249
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(17.105.016.323)	(12.861.127.866)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		44.292.662.256	36.632.079.128
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(34.662.974.560)	(29.294.996.835)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		78.597.544	18.015.354
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34.584.377.016)	(29.276.981.481)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		52.048.781.146	41.929.617.457
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(45.063.988.758)	(41.597.519.317)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.123.588.040)	(8.123.588.040)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.138.795.652)	(7.791.489.900)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.569.489.588	(436.392.253)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		1.640.919.619	2.077.311.872
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		10.210.409.207	1.640.919.619

Người lập biểu



Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng



Lê Thùy Ngân

Giám đốc



Trần Thanh Phong

Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2 là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước số 2. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1801116600 ngày 12 tháng 3 năm 2010 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh nước sinh hoạt.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh, cung cấp nước sinh hoạt;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là chu kỳ kinh doanh trong 12 tháng theo thực tế

5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong năm

Theo Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2024 của UBND Thành phố Cần Thơ quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn thành phố Cần Thơ, đơn giá nước áp dụng cho các đối tượng tăng trung bình khoảng 40% so với kỳ trước. Vì vậy, Doanh thu thuần năm nay tăng mạnh so với năm 2023, tăng 48.142.228.421 đồng tương ứng với tỷ lệ 44,44%.

Công ty đang triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống cấp nước sạch đô thị trên địa bàn Thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025 theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ bằng việc đầu tư cơ sở hạ tầng. Do vậy, tài sản dài hạn và công nợ phải trả nhà cung cấp, vay ngân hàng trong năm 2024 tăng so với năm 2023.

Ngoài các hoạt động trên, không còn sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 168 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 166 người).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Trong năm công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính. Hoặc trình bày cụ thể nếu có thông tin về so sánh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 50	05 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 15	05 – 15
Phương tiện vận tải	05 – 30	05 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10	03 – 10
Phần mềm máy tính	03	03

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập Báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: Doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được chủ đầu tư xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các chi phí đi vay vốn, chi phí lãi mua hàng trả chậm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động là Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

16. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	36.712.503	17.382.915
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.169.683.065	1.623.536.704
Các khoản tương đương tiền (*)	7.004.013.639	-
Cộng	10.210.409.207	1.640.919.619

(*): Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô với lãi suất từ 1,6%/năm đến 2,9%/năm.

2. Phải thu của khách hàng

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Khách hàng sử dụng nước sinh hoạt	1.507.739.164	1.058.392.134
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng	242.885.241	242.885.241
Bưu điện		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	229.914.571	229.914.571
Cộng	1.980.538.976	1.531.191.946

3. Trả trước cho người bán

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thương mại Dịch vụ Thành Đạt	128.135.662	-
Công ty TNHH Xây Dựng Thế Lập	140.143.739	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	523.852.355	1.660.721.287
Cộng	792.131.756	1.660.721.287

4. Phải thu khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	490.700.000	293.000.000
Cộng	490.700.000	293.000.000
b. Dài hạn		
Phải thu khác	37.857.300	37.869.300
Cộng	37.857.300	37.869.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	Cuối năm			Đầu năm			Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	
Phải thu khách hàng							
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện	242.885.241	242.885.241	-	242.885.241	242.885.241	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây lắp và Thương mại Khôi Nguyên	152.354.760	152.354.760	-	152.354.760	-	152.354.760	152.354.760
Công ty TNHH Xây dựng AB	9.834.176	9.834.176	-	9.834.176	-	9.834.176	9.834.176
Cộng	405.074.177	405.074.177	-	405.074.177	242.885.241	162.188.936	

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.331.626.825	-	12.414.278.539	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	76.865.741	-	156.791.598	-
Cộng	12.408.492.566	-	12.571.070.137	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Chi phí trả trước**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	166.763.603	5.057.500
Các khoản khác	226.983.331	148.750.000
Cộng	393.746.934	153.807.500
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	24.106.139.160	15.576.015.059
Lãi mua hàng trả chậm	1.783.097.293	1.060.617.481
Các khoản khác	2.993.207.381	4.422.544.852
Cộng	28.882.443.834	21.059.177.392

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	132.210.812.311	132.240.397.151	277.568.108.069	20.324.857.195	562.344.174.726
Số tăng trong năm	3.704.885.708	7.340.773.899	19.559.214.611	2.949.679.441	33.554.553.659
- <i>Mua trong năm</i>	-	5.143.545.000	-	2.949.679.441	8.093.224.441
- <i>Đầu tư XDCB hoàn thành</i>	3.704.885.708	2.197.228.899	19.559.214.611	-	25.461.329.218
Số giảm trong năm	-	-	-	(338.115.625)	(338.115.625)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	(338.115.625)	(338.115.625)
Số dư cuối năm	135.915.698.019	139.581.171.050	297.127.322.680	22.936.421.011	595.560.612.760
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	109.708.738.620	106.244.549.462	125.683.577.839	15.933.012.368	357.569.878.289
Số tăng trong năm	3.987.021.936	7.023.209.760	17.091.179.861	2.871.428.750	30.972.840.307
- <i>Khấu hao trong năm</i>	3.987.021.936	7.023.209.760	17.091.179.861	2.871.428.750	30.972.840.307
Số giảm trong năm	-	-	-	(326.335.359)	(326.335.359)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	-	(326.335.359)	(326.335.359)
Số dư cuối năm	113.695.760.556	113.267.759.222	142.774.757.700	18.478.105.759	388.216.383.237
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	22.502.073.691	25.995.847.689	151.884.530.230	4.391.844.827	204.774.296.437
Tại ngày cuối năm	22.219.937.463	26.313.411.828	154.352.564.980	4.458.315.252	207.344.229.523

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng: 253.097.222.401 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 109.888.528.705 đồng và 81.566.294.644 đồng đã được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn tại các Ngân hàng TMCP. (Xem chi tiết tại thuyết minh số VIII.3).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	915.127.273	915.127.273
Số tăng trong năm	906.000.000	906.000.000
- Mua trong năm	906.000.000	906.000.000
Số giảm trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	1.821.127.273	1.821.127.273
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	708.877.274	708.877.274
Số tăng trong năm	266.444.448	266.444.448
- Khấu hao trong năm	266.444.448	266.444.448
Số giảm trong năm	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số dư cuối năm	975.321.722	975.321.722
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	206.249.999	206.249.999
Tại ngày cuối năm	845.805.551	845.805.551

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao còn sử dụng: 640.127.273 đồng.

10. Tài sản dở dang dài hạn**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Xây dựng cơ bản	8.786.865.238	9.208.307.323
+ Gói thầu mở rộng, nâng cấp cải tạo MLCN năm 2024	1.593.102.599	-
+ HM: LĐ tuyến ống CN D.110, D.400 HDPE Đ.VVK (bên trái hướng từ Cầu Bà Bộ đến vòng xoay VVK)	1.127.151.278	-
+ HM: LĐ tuyến ống CN D.315 HDPE; Đ.Vành Đai Sân bay (bên trái hướng từ Đ. VVK đến Đ.Lê Hồng Phong)	1.181.515.326	-
+ NC, Cải tạo MLCN CN CNBT; ĐĐ: Đ. Nguyễn Truyền Thanh bên phải hướng từ Đ.Lê Hồng Phong đến đường BHN	823.765.855	-
+ Công trình khác	4.061.330.180	9.208.307.323
Sửa chữa	642.065.430	18.202.444
Cộng	9.428.930.668	9.226.509.767

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuế tài chính

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(a)	11.887.607.390	11.887.607.390	24.477.656.029	24.991.658.464	11.373.604.955	11.373.604.955
Vay dài hạn đến hạn trả	4.403.363.032	4.403.363.032	20.175.145.651	4.403.363.032	20.175.145.651	20.175.145.651
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	2.899.363.032	2.899.363.032	13.758.617.863	2.899.363.032	13.758.617.863	13.758.617.863
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(c)	1.504.000.000	1.504.000.000	5.452.927.788	1.504.000.000	5.452.927.788	5.452.927.788
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô ^(d)	-	-	963.600.000	-	963.600.000	963.600.000
b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn						
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	40.836.801.781	40.836.801.781	27.571.125.117	35.844.112.913	32.563.813.985	32.563.813.985
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	40.836.801.781	40.836.801.781	27.571.125.117	35.844.112.913	32.563.813.985	32.563.813.985
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(b)	24.903.140.410	24.903.140.410	18.096.223.767	25.218.052.337	17.781.311.840	17.781.311.840
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Đô ^(d)	-	-	3.824.901.350	1.416.300.000	2.408.601.350	2.408.601.350
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ ^(c)	15.933.661.371	15.933.661.371	5.650.000.000	9.209.760.576	12.373.900.795	12.373.900.795
Tổng cộng	57.127.772.203	57.127.772.203	72.223.926.797	65.239.134.409	64.112.564.591	64.112.564.591

^(a): Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 063/2024-HĐCVHM/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 25/7/2024 với hạn mức 12.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng 12 tháng, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ.

^(b): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 088/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27/8/2020 với hạn mức 6.950.000.000 đồng để thực hiện đầu tư dự án công trình gói thầu mở rộng nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước năm 2020 tại quận Ninh Kiều và quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,1%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 090/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 27/8/2020 với hạn mức 1.706.000.000 đồng để thanh toán chi phí các đồng hồ đo nước và bơm tuabin trực đứng 110Kw theo Hợp đồng mua bán hàng hóa của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng số 103/HĐKT-20 ngày 06/07/2020. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,1%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 099/2020-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13/11/2020 với hạn mức 1.436.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua máy bơm nước 75Kw theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020 số 249/KH-CNCT2 ngày 05/12/2019. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,1%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 070/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 30/8/2021 với hạn mức 2.499.000.000 đồng để thanh toán chi phí thi công Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - MR1 tại quận Bình Thủy. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 109/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 31/12/2021 với hạn mức 1.931.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm đồng hồ đo nước theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021. Thời hạn vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 110/2021-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 31/12/2021 với hạn mức 2.128.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm máy bơm 160Kw theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2021. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 09/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 26/01/2022 với hạn mức 608.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm hàng hóa theo kế hoạch 2021. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 064/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 20/7/2022 với hạn mức 5.285.000.000 đồng để thanh toán chi phí thực hiện đầu tư dự án công trình Cải tạo Nhà máy nước Cần Thơ 2. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,2%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 077/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 26/8/2022 với hạn mức 1.486.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm hàng hóa theo kế hoạch 2022. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 9%/năm và được điều chỉnh 03 tháng một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 099/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 23/11/2022 với hạn mức 4.070.000.000 đồng để thi công công trình Cải tạo ống thông bê 4.000m3, địa điểm: 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 12,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 100/2022-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12/12/2022 với hạn mức 7.236.000.000 đồng để thanh toán chi phí Mua sắm hàng hóa theo kế hoạch 2022. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 12,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 045/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 05/6/2023 với hạn mức 823.000.000 đồng để thanh toán chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 12,5%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 054/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 28/7/2023 với hạn mức 3.587.000.000 đồng để thanh toán chi phí Công trình Gói thầu mở rộng mạng lưới cấp nước Công ty Cổ phần Cấp nước Cần Thơ 2. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 61/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 28/7/2023 với hạn mức 1.199.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm đồng hồ và vật tư cải tạo công trình lần 1 thuộc kế hoạch 2023. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 64/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 28/8/2023 với hạn mức 4.600.000.000 đồng để thanh toán chi phí 5 mạng lưới công trình cải tạo theo kế hoạch 2023. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 65/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13/10/2023 với hạn mức 6.076.000.000 đồng để thanh toán chi phí mua sắm đồng hồ cơ và công module truyền dữ liệu. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 66/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 13/10/2023 với hạn mức 2.137.000.000 đồng để thanh toán chi phí Lắp đặt hệ thống quan trắc kiểm soát chất lượng nước và làm mới hệ thống cấp quang. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 67/2023-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 14/12/2023 với hạn mức 630.000.000 đồng để thanh toán chi phí Mua sắm vật tư cải tạo công trình lần 2 thuộc Kế hoạch năm 2023. Thời hạn cho vay 36 tháng. Lãi suất ưu đãi 01 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,7%/năm và được điều chỉnh 01 tháng một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 02/2024-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12/8/2024 với hạn mức 905.000.000 đồng để thanh toán chi phí Mua sắm đồng hồ đo nước DN15 và vật tư hàng hóa phục vụ lắp đặt (lần 01 thuộc kế hoạch năm 2024). Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 03/2024-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 28/8/2024 với hạn mức 939.000.000 đồng để thanh toán chi phí Mua sắm vật tư hàng hóa phục vụ công tác ứng mươn, tu bổ sửa chữa thuộc kế hoạch năm 2024. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 01/2024-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 12/8/2024 với hạn mức 1.531.000.000 đồng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của Dự Án: Gói thầu mở rộng, nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước 2024; địa điểm: quận Bình Thủy và huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 04/2024-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 17/9/2024 với hạn mức 4.000.000.000 đồng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: Mua sắm vật tư hàng hóa thuộc kế hoạch đầu tư xây dựng và mua sắm vật tư hàng hóa năm 2024. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 06/2024-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 23/10/2024 với hạn mức 1.065.000.000 đồng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: Mua sắm vật tư hàng hóa cho đổi, dời đồng hồ. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 07/2024-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 25/11/2024 với hạn mức 1.629.000.000 đồng để thanh toán các chi phí mua sắm vật tư hàng hóa cho công tác lắp đặt, sửa chữa, đổi, dời đồng hồ. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần.
- Hợp đồng cho vay dự án đầu tư số 05/2024-HĐCVDADT/NHCT820-CTY CP CAP NUOC CAN THO 2 ngày 23/10/2024 với hạn mức 733.000.000 đồng để thanh toán các chi phí đầu tư hợp pháp của dự án: Công trình nâng cấp cải tạo mạng lưới cấp nước chi nhánh Bình Thủy: Lắp đặt tuyến ống D.160 HDPE và khoan trả khách hàng; Địa điểm: đường Nguyễn Văn Linh (Quốc lộ 91B), phường Long Tuyền, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Thời hạn cho vay 60 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và được điều chỉnh 01 tháng một lần.

(c): Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 86/DN/TDHI/2020 ngày 27/8/2020 với hạn mức 3.615.000.000 đồng để mua sắm hàng hóa thuộc hạng mục: Mua theo kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2020. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.
- Hợp đồng số 07/DN/TDHI/2021 ngày 19/01/2021 với hạn mức 8.255.000.000 đồng để thi công công trình Tuyến ống D300 gang và D110 HDPE bên trái Đường Vành Đai Sân bay (từ Võ Văn Kiệt đến đường Lê Hồng Phong) và tuyến ống D.315, D110 và D63 HDPE tỉnh lộ 918 - Đoạn từ Km12+263 đến Km14+573 - xã Giai Xuân, huyện Phong Điền, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,8%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng số 89/DN/TDH/2021 ngày 13/8/2021 với hạn mức 3.600.000.000 đồng để thi công công trình Tuyến ống cấp nước D630 HDPE xi phòng qua sông Bình Thủy. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
- Hợp đồng số 105/DN/TDH/2021 ngày 21/10/2021 với hạn mức 3.080.000.000 đồng để thi công công trình Góí thầu mở rộng mạng lưới cấp nước năm 2021 - MR2 tại quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 84 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
- Hợp đồng số 108/DN/TDH/2021 ngày 29/10/2021 với hạn mức 1.100.000.000 đồng để thi công công trình Tuyến ống cấp nước D450 HDPE bằng lộ của đường nối giữa Cách Mạng Tháng Tám - đường tỉnh 918. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
- Hợp đồng số 109/DN/TDH/2021 ngày 29/10/2021 với hạn mức 719.000.000 đồng để thi công công trình Tuyến ống cấp nước D450 HDPE bằng lộ dự phòng của đường nối giữa Cách Mạng Tháng Tám - đường tỉnh 918, nút giao Võ Văn Kiệt với đường nối giữa Cách Mạng Tháng Tám - Đường tỉnh 918, quận Bình Thủy (bên trái). Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,6%/năm, từ năm thứ 3 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm.
- Hợp đồng số 03/DN/TDH/2022 ngày 14/01/2022 với hạn mức 8.540.000.000 đồng, để thanh toán các chi phí đầu tư máy phát điện theo Kế hoạch năm 2021. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất cho vay 02 năm đầu tiên là 7,3%/năm, từ năm thứ 03 đến hết thời hạn vay vốn lãi suất vay bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm.
- Hợp đồng số 22/DN/TDH/2022 ngày 21/3/2022 với hạn mức 1.122.000.000 đồng, để thanh toán các chi phí đầu tư trạm biến thế theo Kế hoạch năm 2021. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.
- Hợp đồng số 636/DN/TDH/2022 ngày 28/10/2022 với hạn mức 2.200.000.000 đồng, để thi công công trình Góí thầu mở rộng Mạng lưới cấp nước năm 2022 -MR1 quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.
- Hợp đồng số 655/DN/TDH/2022 ngày 14/11/2022 với hạn mức 1.100.000.000 đồng, để thi công công trình lắp đặt tuyến ống D.110, D.225 HDPE, D.220 PVC. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 521/VCBCT.KHBL ngày 04/01/2024 với tổng số tiền vay đối đa là 5.650.000.000 đồng, để thanh toán/bù đắp các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp (không bao gồm VAT và lãi vay) đầu tư Công trình: Cải tạo nhà máy nước Cần Thơ 2 và Xây dựng trạm bơm tăng áp Long Tuyền. Thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo từng lần nhận nợ.

(4). Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 03/2024/6567854/HETD ngày 22 tháng 3 năm 2024 với hạn mức vay là 2.900.000.000 đồng để đầu tư Mở rộng mạng lưới cấp nước chi nhánh cấp nước số 2; Hạng mục: Lắp đặt tuyến ống D.110, D.400 HDPE và khoan trả khách hàng từ cầu Cồn Khương đến nhà hàng Vạn Phát, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 8,5%/năm áp dụng tới ngày 30/9/2024 và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số 42/2024/6567854/HĐTD ngày 30 tháng 9 năm 2024 với hạn mức vay là 3.464.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 8,5%/năm áp dụng tới ngày 31/3/2025 và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần, mục đích vay:
 - + Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước Chi nhánh Cấp nước Bình Thủy; hạng mục: Lắp đặt tuyến ống cấp nước D.135 HDPE đường vành đai sân bay (bên trái hướng từ Võ Văn Kiệt đến đường Lê Hồng Phong);
 - + Đầu tư mở rộng mạng lưới cấp nước Chi nhánh Cấp nước Số 2; hạng mục: Lắp đặt tuyến ống cấp nước D.110, D.400 HDPE đường Võ Văn Kiệt;
 - + Nâng cấp, cải tạo mạng lưới cấp nước Chi nhánh Cấp nước Bình Thủy; hạng mục: Lắp đặt tuyến ống cấp nước D.110, D.225 HDPE và khoan trả khách hàng đường Nguyễn Truyền Thanh bên phải hướng từ Lê Hồng Phong đến đường Bùi Hữu Nghĩa. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất 8,5%/năm áp dụng tới ngày 30/9/2024 và sau đó được điều chỉnh 06 tháng/lần.
- ❖ Các khoản vay tại các ngân hàng TMCP được bảo đảm bằng tài sản cố định, vật tư hàng hóa của Công ty, chi tiết danh mục tài sản cố định được thế chấp tại thuyết minh số VIII.3.

12. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Đức Hùng	6.249.350.325	6.249.350.325	6.299.430.463	6.299.430.463
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây Dựng Bảo Gia	1.071.681.839	1.071.681.839	2.557.190.362	2.557.190.362
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây Dựng Việt Quế	1.368.660.774	1.368.660.774	986.539.784	986.539.784
Phải trả ngắn hạn cho người bán khác	1.036.950.349	1.036.950.349	5.237.409.993	5.237.409.993
Cộng	9.726.643.287	9.726.643.287	15.080.570.602	15.080.570.602
b. Dài hạn				
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	29.874.296.077	29.874.296.077	15.967.733.504	15.967.733.504
Cộng	29.874.296.077	29.874.296.077	15.967.733.504	15.967.733.504

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Người mua trả tiền trước

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngán hạn		
Khách hàng công trình	761.880.635	452.826.671
Cộng	761.880.635	452.826.671

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		Đơn vị tính: VND	
	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng (*)	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.407.960.592	-	5.158.780.355	-	8.607.960.592	41.219.645	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	68.538.474	-	592.807.844	-	564.501.606	-	96.844.712
Thuế tài nguyên	-	53.737.000	-	735.959.040	-	728.564.240	-	61.131.800
Phí, lệ phí và các khoản khác	130.533.000	689.991.699	-	14.055.554.761	-	13.525.592.082	-	1.089.421.378
Cộng	130.533.000	4.220.227.765	20.543.102.000	23.426.618.520	41.219.645	1.247.397.890		

(*): Công ty áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% đối với hàng hóa nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt. Các hàng hóa, dịch vụ khác được Công ty áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8%.

15. Phải trả khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngán hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	283.066.451	253.275.789
<i>Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam</i>	<i>187.594.628</i>	<i>175.175.520</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>95.471.823</i>	<i>78.100.269</i>
Cộng	283.066.451	253.275.789

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2
 Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Vốn chủ sở hữu						Đơn vị tính: VND
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng	
Số dư đầu năm trước	117.733.160.000	-	21.306.577.003	16.627.930.076	155.667.667.079	
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	
Lãi trong năm trước	-	-	-	17.264.078.190	17.264.078.190	
Tăng khác	-	7.562.600.152	-	-	7.562.600.152	
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.500.405.811	(15.073.543.756)	(13.573.137.945)	
Giảm khác	-	-	(7.562.600.152)	(1.364.268.711)	(8.926.868.863)	
Số dư cuối năm trước	117.733.160.000	7.562.600.152	15.244.382.662	17.454.195.799	157.994.338.613	
Số dư đầu năm nay	117.733.160.000	7.562.600.152	15.244.382.662	17.454.195.799	157.994.338.613	
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	
Lãi trong năm nay	-	-	-	19.203.794.632	19.203.794.632	
Trích lập quỹ năm nay	-	-	2.970.155.019	-	2.970.155.019	
Phân phối lợi nhuận năm 2023 (*)	-	-	-	(17.454.195.799)	(17.454.195.799)	
Số dư cuối năm nay	117.733.160.000	7.562.600.152	18.214.537.681	19.203.794.632	162.714.092.465	

(*): Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCD ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

	Số tiền
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	2.970.155.019
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	5.872.811.958
Trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành	487.640.782
Trích cổ tức chi trả	8.123.588.040
Tổng phân phối lợi nhuận	17.454.195.799

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
- Vốn góp của Nhà nước	57.689.260.000	49,00	57.689.260.000	49,00
- Vốn góp của các đối tượng khác	60.043.900.000	51,00	60.043.900.000	51,00
+ Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương	57.525.840.000	48,86	57.525.840.000	48,86
+ Các đối tượng khác	2.518.060.000	2,14	2.518.060.000	2,14
Cộng	117.733.160.000	100	117.733.160.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	117.733.160.000	117.733.160.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	117.733.160.000	117.733.160.000
Cổ tức đã chia	8.123.588.040	8.123.588.040

d) Cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.773.316	11.773.316
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.773.316	11.773.316
- Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.773.316	11.773.316
- Cổ phiếu phổ thông	11.773.316	11.773.316
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.		

e) Các quỹ của công ty

	Năm nay VND	Năm trước VND
Quỹ đầu tư phát triển	18.214.537.681	15.244.382.662
Cộng	18.214.537.681	15.244.382.662

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	151.411.947.939	104.085.822.620
Doanh thu lắp đặt hệ thống cấp nước	3.006.821.520	3.124.166.480
Doanh thu khác	2.051.766.613	1.122.969.086
Cộng	156.470.536.072	108.332.958.186

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn thành phẩm nước	95.468.118.266	61.501.514.070
Giá vốn lắp đặt hệ thống cấp nước	1.862.942.607	2.203.146.970
Giá vốn khác	284.969.197	199.299.189
Cộng	97.616.030.070	63.903.960.229

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	78.597.544	18.015.354
Cộng	78.597.544	18.015.354

4. Chi phí tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	5.668.234.234	5.523.526.428
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.192.867.820	458.994.017
Cộng	6.861.102.054	5.982.520.445

5. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	232.527.909
Phí bảo vệ môi trường giữ lại (6%, 10%)	-	108.128.531
Tiền tài trợ từ dự án Hà Lan	-	840.000.000
Tiền bồi thường	-	3.256.818.313
Xử lý số dư công nợ	33.450.204	-
Các khoản khác	633	-
Cộng	33.450.837	4.437.474.753

6. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lỗ từ hoạt động thanh lý TSCĐ	11.780.266	-
Xử lý số dư công nợ	23.416.770	-
Tiền chậm nộp ngân sách nhà nước	-	520.813.541
Các khoản khác	663.636.364	-
Cộng	698.833.400	520.813.541

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí vật liệu, bao bì	2.390.178.201	1.336.989.743
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.309.419	105.056.330
Chi phí dịch vụ mua ngoài	187.101.189	188.202.699
Cộng	2.733.588.809	1.630.248.772

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	15.018.194.894	13.060.045.118
Chi phí vật liệu quản lý	342.367.694	250.115.164
Chi phí đồ dùng văn phòng	786.529.521	147.041.128
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.069.351.639	759.034.745
Thuế, phí và lệ phí	696.060.564	651.716.874
Chi phí dự phòng	162.188.936	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.851.739.359	1.356.134.307
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.384.022.526	2.456.319.818
Cộng	24.310.455.133	18.680.407.154

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.555.915.694	12.691.265.629
Chi phí nhân công	32.467.057.752	29.147.537.112
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.239.284.755	28.621.017.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.374.354.032	7.416.404.369
Chi phí khác bằng tiền	8.781.346.986	6.382.182.785
Cộng	124.580.148.155	84.258.407.254

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.362.574.987	22.065.847.617
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.431.326.786	1.223.955.341
+ <i>Lương thành viên HĐQT và Ban kiểm soát không chuyên trách</i>	400.560.000	372.480.000
+ <i>Chi phí không được trừ khác</i>	1.030.766.786	851.475.341
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	25.793.901.773	23.289.802.958
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	5.158.780.355	4.657.960.592
Thuế TNDN bổ sung các năm trước	-	143.808.835
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.158.780.355	4.801.769.427

11. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	19.203.794.632	17.264.078.190
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.203.794.632	17.264.078.190
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành (*)	5.878.281.537	6.360.452.740
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.773.316	11.773.316
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.132	926
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.132	926

(*): Lãi trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại do xác định lại số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban Quản lý điều hành theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024: Xem thêm V.16.

Công ty tạm tính các chỉ tiêu lãi trên cổ phiếu năm 2024 theo thông tin dự kiến phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024 theo tỷ lệ 32,66% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCD ngày 05 tháng 4 năm 2024 của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản Trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng trong năm:

Họ tên	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương thưởng, phụ cấp	2.946.439.870	2.603.350.130
Tổng	2.946.439.870	2.603.350.130

3. Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để bảo đảm cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.7 và V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

STT	Tài sản thế chấp tại 31/12/2024	Giá trị còn lại trên sổ kế toán (VND)
1	Mở rộng Văn phòng và xây dựng kho lưu trữ công ty	2.190.065.962
2	Biến tần 37kw-3 pha (Máy số 1)	65.884.184
3	Biến tần 37kw-3 pha (Máy số 2)	65.884.184
4	Biến tần 37kw- 3 pha + CB + Dây đồng + Đầu cos	26.378.044
5	Biến tần 75Kw - 3 pha CB	69.846.412
6	Bộ chuyển đổi Clo (cụm 10,000 và 40,000) - Bộ số 1	63.360.000
7	Bộ chuyển đổi Clo (cụm 10,000 và 40,000) - Bộ số 2	63.360.000
8	Cụm hóa chất PAC, hệ 10,000 m3/ng.đ (01 cảm biến đo lưu lượng + 02 cảm biến đo mực nước)	19.610.916
9	Trạm bơm cấp I cụm 10,000m3/ng.đ (Gồm 01 PLC viết chương trình và các thiết bị relay kết nối)	6.405.316
10	Thiết bị đo độ đục 01-1000NTU	7.920.000
11	Thiết bị đo độ đục nước sạch	26.461.716
12	Thiết bị đo độ đục nước sạch	26.461.716
13	Biến tần 110Kw - 3 pha + CB + Dây đồng + Đầu cos	61.974.728
14	Tổ máy phát điện hiệu Pacelink; Model: PLG-C176(S)	354.332.074
15	Thiết bị đo độ đục nước thô (bộ số 1) (Bộ hiển thị hiệu Endress Hauser Model: CM442; Xuất xứ Đức, Sensor hiệu Endress Hauser; Model: CUSD, Đức)	84.481.800
16	Thiết bị đo độ đục nước thô (bộ số 1) (Bộ hiển thị hiệu Endress Hauser Model: CM442; Xuất xứ Đức, Sensor hiệu Endress Hauser; Model: CUSD, Đức)	84.481.800
17	Máy bơm tuabin trục đứng 37kw Hiệu Aturia, Model: VAB 230/1 Italia	178.464.000
18	Tuyến ống D110 HDPE từ cầu Trại Giam đến cầu gần trường tiểu học Long Tuyền (GT01/20)	489.038.895
19	Tuyến ống D110 HDPE đường cấp mé trái Rạch Cam KV Bình Yên B, P. Long Hòa (GT01/20)	714.860.369
20	Tuyến ống D110 HDPE từ cầu Bông Vang đến cầu Rạch Nhum	215.902.931

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

STT	Tài sản thế chấp tại 31/12/2024	Giá trị còn lại trên sổ kế toán (VND)
	(bên trái) (GT01/20)	
21	Tuyến ống D110 HDPE đường vào khu Lò đường - Rạch Bà Cầu (KV Bình Yên A) GT01/20	732.387.476
22	Tuyến ống D110 HDPE rạch Ngã Bát (GT01/20)	786.575.636
23	Tuyến ống D110 HDPE Rạch Súc (bên trái) KV Bình Trung, P. Long Hòa (GT01/20)	899.366.815
24	Hèm 444 bên trái, đường CMT8, P. Bùi Hữu Nghĩa GT01/20	264.224.139
25	Tuyến ống D225 HDPE Đường Nguyễn Văn Cừ (bên trái) GT01/20	1.622.638.621
26	Tuyến ống D225 HDPE Đường Trần Việt Châu, bên phải từ đường Nguyễn Văn Cừ qua Phạm Ngũ Lão GT01/20	816.089.185
27	Tuyến ống D225 HDPE Đường Trần Việt Châu, bên trái từ đường Nguyễn Văn Cừ qua Phạm Ngũ Lão GT01/20	843.322.461
28	Máy bơm tua bin trục đứng 110kw Hiệu ATURIA, Model: VAB 251/2 Italia	528.255.201
29	Máy bơm tua bin trục đứng Peerless Vertical - Mỹ - Guồng bơm 18HXB; công suất 75KW; P=75Kw; 3 pha - 380/660V, Q=950m3/h, H=20m	284.848.464
30	Tuyến ống D315HDPE, D110 HDPE và D63 HDPE Tỉnh lộ 918-đoạn từ Km12+263 đến Km14+573, xã Giai Xuân, huyện Phong Điền GT02/20 - 1	4.410.102.592
31	Tuyến ống D.315 HDPE và D110 HDPE bên trái đường Vành Đai sân bay GT02/20 - 2	3.749.324.809
32	Tuyến ống D630 HDPE xi phông qua sông Bình Thủy ML05/21	3.301.037.230
33	Tuyến ống D110 HDPE Rạch Khoán Châu, KV Bình Dương A, P. Long Tuyền, Q. BT, TP.CT GT01/21-1	311.551.431
34	Tuyến ống D110 HDPE Rạch Miếu Ông (Bên phải), KV Bình Dương B và Rạch Đường Đào, KV Bình Dương A, P. Long Tuyền, Q. BT, TP.CT GT01/21-2	1.173.787.546
35	Tuyến ống D110 HDPE Rạch Ngã bát đến Khu di tích Vườn Mận, Q. BT, TP.CT GT01/21-3	124.182.052
36	Tuyến ống D63 HDPE Hèm Cạnh nhà máy Mười Đào - Tuyến Cầu Bờ Kè Rạch Cam (Rạch Ông Tường), Q. BT, TP.CT GT01/21-4	46.872.528
37	Tuyến ống D110 HDPE Hèm 12 Đường Nguyễn Truyền Thanh, P.BT, Q. BT, TP.Ct GT01/21-5	1.167.692.652
38	Gói thầu MRMLCN năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Hèm 54 (bên trái) Đường Hồ Trung Thành, P. Trà An, Q. Bình Thủy, TP.CT (GT02/21-1)	236.185.786
39	Gói thầu MRMLCN năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Tổ 7-13 (Bên phải), P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP.CT (GT02/21-2)	128.280.051
40	Gói thầu MRMLCN năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Rạch Cái Tắc, KV Bình Thường A, P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP.CT (GT02/21-3)	246.365.813
41	Gói thầu MRMLCN năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Rạch Miếu Ông - Ba Cao (Bên trái), KV Bình Dương B, P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP.CT (GT02/21-4)	572.775.934
42	Gói thầu MRMLCN năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Rạch Cái Tắc (Bên trái), KV Bình Thường B, P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP.CT (GT02/21-5)	460.075.485

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

STT	Tài sản thế chấp tại 31/12/2024	Giá trị còn lại trên sổ kế toán (VND)
43	Gói thầu MRMLCN năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE và cầu trả KH Bên trái Rạch Ngã Ngánh, KV Bình Dương A, P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP.CT (GT02/21-6)	261.531.141
44	Gói thầu MRMLCN năm 2021 - Tuyến ống D.110 HDPE từ cầu Cò Chình đến nhà Ông Hai Thông, P. Long Hòa, Q. Bình Thủy, TP.CT (GT02/21-7)	204.952.114
45	Gói thầu MRMLCN năm 2021 - Tuyến ống D.63 HDPE và cầu trả khách hàng hẻm cạnh nhà số 40/2, KV Bình Dương (Rạch Khoán châu ra QL91B), P. Long Hòa, Q. Bình Thủy, TP.CT (GT02/21-8)	54.648.581
46	Gói thầu MRMLCN năm 2021 - Tuyến ống D.63 HDPE từ cầu chữ Y đến Rạch Xẻo Lò, P. Long Hòa, Q. Bình Thủy, TP.CT (GT02/21-9)	594.310.824
47	Gói thầu MRMLCN năm 2021 - Tuyến ống D.160 HDPE và Cầu trả KH Tổ 2 Rạch Ông Đội và Tổ 7 Rạch Ông Kinh - KV Bình Phó A, P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP.CT (GT02/21-10)	741.868.360
48	Tuyến ống cấp nước D.450 HDPE băng lộ của đường nối giữa CMT8 - Đường tỉnh 918, Nút giao Võ Văn Kiệt với đường nối giữa CMT8 - đường tỉnh 918 (bên trái); ML04/21	955.166.779
49	Tuyến ống cấp nước D.450 HDPE băng lộ của đường nối giữa CMT8 - Đường tỉnh 918, Nút giao Võ Văn Kiệt với đường nối giữa CMT8 - đường tỉnh 918 (bên trái); ML06/21	465.987.161
50	Máy bơm công suất P:160Kw - 3 pha - 380V; Q=1200m3h; H=31m SX: Italy/Capraro) tại trạm bơm cấp 2 cụm 40.000m3/ngđ	1.460.666.656
51	Máy phát điện 1.250kVA	7.013.333.340
52	Máy châm Clor 10kg loại lắp đặt trên đường ống góp (Máy số 1)	29.799.988
53	Máy châm Clor 10kg loại lắp đặt trên đường ống góp (Máy số 2)	29.799.988
54	Hệ thống chống sét cho các trạm bơm NMN2	175.902.075
55	Máy đo Clor dư, pH (online) - Hiệu HACH - Xuất xứ: USA	343.029.175
56	Máy đo Clor dư, pH (online) - Hiệu HACH - Xuất xứ: USA	343.029.175
57	Công trình Trạm biến thế 22/0.4kV - NMN2 XD01/20	792.876.440
58	Cải tạo NMNCT2 - GT xây lắp và thiết bị XD01/21	6.491.231.796
59	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên phải Rạch Ông Dừa (Tổ 13) - KV. Bình Dương A - P. Long Tuyền - GT01/22-1	150.612.515
60	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Đường Đào (Tổ 15) - KV. Bình Dương A - P. Long Tuyền - GT01/22-2	85.093.856
61	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên phải Rạch Ranh (Tổ 12) - KV. Bình Thường A - P. Long Tuyền - GT01/22-3	210.434.016
62	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Ranh (Tổ 12) - KV. Bình Thường A - P. Long Tuyền - GT01/22-4	197.005.393
63	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Chuối (tổ 8,9,10) - KV Bình Thương A, P. Long Tuyền - GT01/22-5	944.772.864
64	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Ông Hương - KV. Bình Yên B, P. Long Hòa - GT01/22-6	328.322.565
65	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên phải Rạch Ông Hương - KV. Bình Yên B, P. Long Hòa - GT01/22-7	562.456.145
66	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE (đoạn từ trường tiểu học Long Hòa đến Đ. Võ Văn Kiệt), KV Bình Chánh, P. Long Hòa - GT01/22-8	97.257.733
67	Tuyến ống cấp nước D.160 HDPE nối tuyến Rạch Đường Cui,	192.242.938

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

STT	Tài sản thế chấp tại 31/12/2024	Giá trị còn lại trên sổ kế toán (VND)
	Nguyễn Thị Tạo - GT01/22-9	
68	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE (đoạn từ Nhà thờ Rạch Súc đến cầu Rạch Súc, Võ Văn Kiệt), KV Bình Trung, P. Long Hòa - GT01/22-10	243.615.716
69	Tuyến ống D110, D225 HDPE, D220 PVC và Khoan trả KH: Đường Lê Văn Sô, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ ML05/22	1.193.853.733
70	Cải tạo ống thông bể 4.000 m3 - NMN CT2 XD01/22	5.057.109.732
71	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE hẻm nhánh nằm trên tuyến đường từ Cầu Ông Chiểu đến trường Tiểu học Long Hòa 3 (Cạnh nhà số 380B/17) - KV Bình Yên B - P. Long Hòa - ML06/22-1	113.748.035
72	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE từ trường tiểu học Long Hòa 3 đi Võ Văn Kiệt - Tổ 21 - KV Bình Yên B - P. Long Hòa - ML06/22-2	164.286.805
73	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE đoạn cuối bên trái Rạch Sơn - KV Bình Dương B - P. Long Tuyền - ML06/22-3	47.162.759
74	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Chanh - KV Bình Dương B - P. Long Tuyền - ML06/22-4	130.675.117
75	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Chanh - KV Bình Dương B - P. Long Tuyền - ML06/22-5	116.918.954
76	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE từ cầu Ba Cao 2 - KV Bình Dương B - P. Long Tuyền - ML06/22-6	206.513.500
77	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Ông Đội - Bình Phó A - P. Long Tuyền - ML06/22-7	230.299.983
78	Tuyến ống cấp nước D.63 HDPE đoạn nhánh bên trái Rạch Ranh (Tổ 11) - KV Bình Thường A - P. Long Tuyền - ML06/22-8	43.069.125
79	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE Hẻm 275 Trần Quang Diệu, P. An Thới, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ - GT01/23-1	89.518.268
80	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái cống Rạch Miếu Bà Cầu, P. Long Hoà, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ - GT01/23-2	51.997.909
81	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE Rạch Miếu Bà Cầu (Mé rạch), P. Long Hoà, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ - GT01/23 - 3	163.310.641
82	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên trái Rạch Ngã Ngánh (Tổ 1), KV Bình Dương A, P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ - GT01/23-4	422.761.742
83	Tuyến ống cấp nước D.110 HDPE bên phải Rạch Ngã Ngánh (Tổ 3), KV Bình Dương A, P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ - GT01/23-5	305.864.542
84	Tuyến ống xi phong D.400 HDPE Tăng áp qua Cồn Khương (bên trái đoạn từ Nguyễn Văn Cừ - CMT8 đến Trần Văn Giàu - Tuyến ống D.400 HDPE neo cầu), Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ - GT01/23-6	3.501.739.805
85	NCCT CNCN số 2 - Hẻm 75 Trần Phú, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ ML03/23	348.906.245
86	NCCT MLCN CNCN Bình Thủy - P. Long Tuyền, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ - ML02/23	612.407.353
87	CT MLCN CNCN Bình Thủy - Đ. Bùi Hữu Nghĩa, P. Bình Thủy, TP. Cần Thơ - ML06/23	1.082.593.860
88	LĐ tuyến ống D.225HDPE và khoan trả KH Đ. Trần Văn Khéo	945.149.029

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC CẦN THƠ 2

Số 366C Cách Mạng Tháng Tám, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, T.P Cần Thơ, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**

STT	Tài sản thế chấp tại 31/12/2024	Giá trị còn lại trên sổ kế toán (VND)
	bên trái - ML04/23	
89	Hệ thống quan trắc kiểm soát chất lượng nước (nước thô cụm 10.000 m3/ngđ và nước sạch cụm 2.500 m3/ngđ)	2.249.991.112
90	Làm mới hệ thống cấp quang từ 2 đồng hồ đọc đếm lưu lượng nước sạch 10.000 và 40.000 m3/ngđ (Thiết bị và phụ kiện)	796.068.000
91	Hệ thống quản lý mạng lưới và chương trình cài đặt, hiển thị áp lực, kết nối HMI trạm bơm và SCADA	996.380.000
92	Tuyến ống thông bể D.400 - XD01/23	1.203.430.620
93	Cải tạo tuyến ống nước thô cụm 40.000 m3/ngđ và cụm 10.000 m3/ngđ - XD01/23	2.170.846.131
94	Trạm bơm tăng áp Long Tuyền (Phần tuyến HDPE D.315 và PVC D.168) - XD01/23	734.997.747
95	Trạm bơm cấp 2 cụm 2.500 m3/ngđ - XD01/23	3.158.086.857
96	Trạm bơm tăng áp Long Tuyền (phần hồ bơm inline) - XD01/23	1.308.911.623
97	Trạm biến áp 3 pha 22/0,4KV-3x25 KVA - XD01/23	796.766.072
98	LĐ tuyến ống D.110, D.400 HDPE và khoan trả khách h từ cầu Cồn Khương đến nhà hàng Vạn Phát - ML14/23	2.831.865.057
Cộng		81.566.294.644

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Tài sản ngắn hạn của Công ty đang nhỏ hơn Nợ ngắn hạn số tiền là 21.387.064.349 đồng. Từ tháng 02 năm 2024, Công ty áp dụng đơn giá nước mới theo Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND Thành phố Cần Thơ, theo đó đơn giá nước mới tăng khoảng 40% so với giai đoạn trước đó. Do vậy dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 đã tăng so với năm trước và Công ty đã xây dựng kế hoạch thu chi trong năm 2025, đảm bảo khả năng thanh toán cho tất cả khoản nợ đến hạn của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động liên tục.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (nay là Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA).

Người lập biểu

Nguyễn Phương Thảo

Kế toán trưởng

Lê Thùy Ngân

Giám đốc



Trần Thanh Phong

Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2025

